

47. KINH TƯ SÁT (*Vīmaṃsaka Sutta*)¹

487. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, tinh xá của ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, vị Tư sát Tỷ-kheo muốn biết rõ² tập tánh³ (*cetopariyāya*) của người khác, cần phải tìm hiểu (*samānesanā*) về Như Lai, để ý thức được Ngài có chứng đạt Chánh đẳng giác hay không?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm bậc Lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay, Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

488. – Này các Tỷ-kheo, vị Tư sát Tỷ-kheo muốn biết rõ tập tánh của người khác, cần phải tìm hiểu về Như Lai trên hai loại pháp: Các pháp do mắt, tai⁴ nhận thức, nghĩ rằng: “Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện khởi?” Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo được biết như sau: “Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai.” Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: “Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai”, vị ấy tìm hiểu thêm: “Những tạp pháp [khi nhiễm khi tịnh]⁵ do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không

¹ Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Câu giải kinh* 求解經 (T.01. 0026.186. 0731a29).

² *MA.* II. 378 phân biệt có 3 loại tìm hiểu và đây là sự tìm hiểu về bậc Đạo sư.

³ Ở đây, *pariyāya* được giải thích là *vāra* nghĩa là con đường và *pariccheda* nghĩa là giới hạn, giới vực. Xem *MA.* II. 378.

⁴ *MA.* II. 380 giải thích thân hành của bậc Đạo sư được nhận thức ngang qua mắt và khẩu hành ngang qua tai.

⁵ *MA.* II. 381 giải thích những pháp có khi đen, có khi trắng.

hiện khởi?” Sau khi tìm hiểu như vậy và vị Tỷ-kheo biết được như sau: “Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai.” Sau khi tìm hiểu như vậy và vị Tỷ-kheo biết được như sau: “Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai”, vị ấy tìm hiểu thêm: “Những pháp hoàn toàn thanh tịnh, do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện khởi?” Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: “Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai.” Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: “Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai”, vị ấy tìm hiểu thêm: “Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài hay trong một thời gian ngắn?” Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: “Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài, vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này không phải trong một thời gian ngắn.” Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: “Vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài, vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này không phải trong một thời gian ngắn”, vị ấy tìm hiểu thêm: “Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm có khởi lên cho vị ấy ở đây không?”

Này các Tỷ-kheo, một số nguy hiểm không khởi lên ở đây cho vị Tỷ-kheo, khi vị ấy chưa được hữu danh, chưa có danh tiếng. Này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo ấy được hữu danh, có danh tiếng, thì một số nguy hiểm có thể khởi lên ở đây cho vị ấy. Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: “Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm không khởi lên cho vị ấy.” Sau khi tìm hiểu như vậy, vị ấy biết được như sau: “Vị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm không khởi lên cho vị này.” Vị ấy tìm hiểu thêm: “Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi⁶ mà từ bỏ. Có phải do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các dục?” Sau khi tìm hiểu như vậy, vị ấy biết được như sau: “Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các dục.”

Này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác hỏi vị Tỷ-kheo ấy như sau: “Những dữ kiện của Tôn giả là gì, những bằng chứng của Tôn giả là gì, mà Tôn giả nói: ‘Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ, vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ.’ Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái nên vị này không thỏa mãn các dục.” Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn trả lời một cách chơn chánh phải trả lời như sau: “Vị Tôn giả này sống giữa Tăng chúng hay sống một mình,⁷ dầu cho những vị sống ở đây là thiện hạnh, là ác hạnh, dầu cho có

⁶ Phạm phu có 4 sự sợ hãi, vị Hữu học (*Sekha*) có 3, nên vị này vẫn còn bị chi phối bởi sự sợ hãi. Nhưng đối với vị đã đoạn tận lậu hoặc thì không còn một sự sợ hãi nào. Xem *MA*. II. 385.

⁷ Thời gian độc cư thiền định tạm thời (nửa tháng hay 3 tháng) được nhắc trong nhiều kinh như *MA*. II. 386; *S*. V. 320, 325.

những vị giáo giới hội chúng, ở đây có những vị chuyên trọng tài vật, có những vị ở đây không bị ô nhiễm bởi tài vật, vị Tôn giả này không vì vậy mà khinh bỉ họ vì lý do này.”⁸ Như vậy tôi nghe trước mặt Thế Tôn, như vậy tôi được biết trước mặt Thế Tôn: “Ta do vô úy mà từ bỏ, Ta không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái nên Ta không thỏa mãn các dục.”

489. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai cần phải được hỏi thêm như sau: “Các pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?”

Được hỏi vậy, Như Lai sẽ trả lời⁹ như sau: “Các pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không hiện khởi ở Như Lai.” “Những tạp pháp ở mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?”

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai sẽ trả lời như sau: “Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai.” “Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện khởi?”

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai trả lời như sau: “Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai.” Ta lấy như vậy làm đạo lộ, làm hành giới.¹⁰ Không có ai giống Ta như vậy.¹¹

Này các Tỷ-kheo, một đệ tử phải đến gần bậc Đạo sư có nói như vậy để được nghe pháp. Vị Đạo sư thuyết pháp cho vị ấy, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương (*sappatibhāga*).¹²

Này các Tỷ-kheo, tùy theo vị Đạo sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương; vị Tỷ-kheo, tùy theo như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Vị ấy khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo sư: “Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì.” Này các Tỷ-kheo, nếu có người khác hỏi Tỷ-kheo ấy như sau: “Tôn giả có những dữ kiện gì, có những bằng chứng gì để Tôn giả nói rằng: ‘Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì’?”

Này các Tỷ-kheo, muốn trả lời một cách chơn chánh, vị Tỷ-kheo phải trả lời

⁸ Câu kệ này được tìm thấy ở *MA*. II. 387; *DhA*. I. 146 và *Miln*. 410. Câu kệ như sau: “*Vadhakassa devadattassa, corassaṅgulimālino. Dhanapāle rāhule ca, sabbesaṃ samako munīti.*” (Cho dù kẻ đáng bị trừng phạt như Devadatta, kẻ cướp như Aṅgulimāla, hay kẻ bị ràng buộc bởi tài sản đều ngang hàng với Muni).

⁹ Vị không có bất cứ câu trả lời nào của Như Lai mà không chân chánh, do đó không có sự không chơn chánh đối với thuật ngữ *sammā* nên được gọi là *byākaramāna* như được đề cập trong *MA*. II. 387.

¹⁰ *Etam pathohamasmi etam gocaro*. *MA*. II. 387 viết *etāpātho* theo cách đọc khác và giải thích là “một đời sống hoàn toàn thanh tịnh và đức hạnh.”

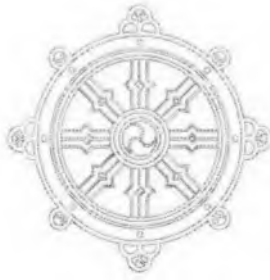
¹¹ Trong nếp sống giới hạnh thanh tịnh không có tham ái. Xem *MA*. II. 387.

¹² Ở đây có thể được hiểu là *savipakkha*, có nghĩa là kết quả.

như sau: “Ở đây, này Hiền giả, tôi đến yết kiến Thế Tôn để nghe thuyết pháp, Thế Tôn thuyết pháp cho tôi, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng. Này Hiền giả, tùy theo Thế Tôn thuyết pháp cho tôi như thế nào, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng; tùy theo như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, tôi đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Tôi khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo sư: ‘Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì.’”

490. Này các Tỷ-kheo, đối với ai mà lòng tin đối với Như Lai được an lập, căn cứ, an trú trên những dữ kiện,¹³ những văn cú, những văn tự¹⁴ như vậy, này các Tỷ-kheo, lòng tin như vậy được gọi là có dữ kiện đầy đủ, căn cứ trên chánh kiến,¹⁵ vững chắc, không thể bị phá hoại bởi một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Māra, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tìm hiểu về Như Lai, và như vậy Như Lai mới được khéo tìm hiểu một cách đúng pháp.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



¹³ MA. II. 388 cho rằng bởi những điều biết rõ được về bậc Đạo sư của vị này.

¹⁴ M. I. 114; S. V. 219.

¹⁵ Ở đây, MA. II. 388 giải thích rằng dựa trên pháp tu thành tựu quả vị Dự lưu, và chính lòng tịnh tín là pháp tu căn bản. Lòng tịnh tín của bậc Dự Lưu không thể bị Māra phá hoại.